

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày: 09/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Th
2. Bà Nguyễn Thị C

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lê Hiền B - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2023/HSST ngày 24/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HS ngày 24/5/2023 đối với bị cáo:

TH; giới tính: Nam; sinh ngày 27/10/2001, tại tỉnh G; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn B, xã IB, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jai; Tôn giáo: Tin lành; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Cha: J - sinh năm 1981; Mẹ: P - sinh năm 1980. Cha mẹ bị cáo đều trú tại: Thôn B, xã IB, huyện Đ, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2007, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ là T - sinh năm 2002 và có 01 người con sinh năm 2019. Hiện vợ con bị cáo trú tại: Thôn B, xã IB, huyện Đ, tỉnh G; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. **Ksor V**, sinh năm 1997 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông **J1** - sinh năm 1974 và bà **Kh** - sinh năm 1978 (là cha mẹ của bị hại). Địa chỉ: Thôn 1, xã IB, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

2. **Ph**, sinh năm 1992 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà **RP** - sinh năm 1993 (là vợ của bị hại). Địa chỉ: Làng D, xã G, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **Kh** - sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn C, xã IB, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

2. Bà **H** - sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn C, xã IB, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

3. Ông **J** - sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn B, xã IB, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

4. Anh **AL** - sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 1, xã IB, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người phiên dịch: Anh Nh. Địa chỉ: Làng Đ, xã ĐT, huyện M, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 19 giờ ngày 16/01/2018, Th điều khiển xe mô tô 81K1 - 042.64 từ nhà lưu thông trên đường liên xã theo hướng xã IB đi xã A thuộc huyện Đ, tỉnh G để đến dự đám cưới tại xã AP, thành phố P, tỉnh G. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn O Ngó, xã IB, huyện Đ, tỉnh G, Th quan sát thấy trên đường phía trước bên phải theo hướng đi của mình có 01 vết lõm (ổ gà) nên Th đã điều khiển xe mô tô tránh sang phía bên trái và lấn sang phần đường của xe ngược chiều nên tông vào xe mô tô biển số 81C1- 113.89 do Ksor V (sinh năm 1997, trú tại Thôn 1, xã IB, huyện Đ, tỉnh G) điều khiển chở theo phía sau AL (sinh năm 1992, trú cùng Thôn) và Ph (sinh năm 1992, đăng ký thường trú tại Thôn 1, xã IB, huyện Đ, tỉnh G; tạm trú tại làng D, xã G, thành phố P, tỉnh G).

Hậu quả: Ksor V chết trên đường đi cấp cứu, Ph bị Th điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G từ ngày 16/01/2018 đến ngày 01/3/2018 thì chết. Th bị Th điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G; AL bị Th nhẹ nên không đi bệnh viện điều trị. 02 xe mô tô bị hư hỏng.

Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Theo kết luận giám định pháp y về tử thi số 21/TT-TTTPYGL ngày 31/01/2018 và kết luận giám định pháp y về tử thi số 45/TT-TTTPYGL ngày 02/02/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận: Ksor V và Ph chết do vỡ nứt sọ do tai nạn giao thông.

Theo kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 30/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ đối với phần hư hỏng của xe mô tô biển số 81C1 - 113.89 là 6.421.000 đồng.

Tại biên bản kiểm tra ma túy, nồng độ còn hồi 11 giờ 30 phút ngày 10/01/2018 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G kết luận: Th không có nồng độ cồn và âm tính đối với ma túy.

Hiện trường vụ tai nạn giao thông được thể hiện như sau:

+ Hiện trường xảy ra vụ tai nạn tại đường liên xã thuộc địa phận thôn O Ngó, xã IB, huyện Đ, tỉnh G; mặt đường rải nhựa, mặt đường rộng 03m30; lề đường phía bắc rộng 01m60; lề đường phía nam rộng 02m.

+ Chọn mép đường bên phải theo chiều đi từ xã A đi xã IB làm mép đường chuẩn, các dấu vết được đo vào mép đường chuẩn.

+ Lấy trụ điện số 51 và số 473/F19/51 bên phải đường làm điểm mốc.

- Vết cày được đánh số (1): Vết cày có dạng liên tiếp có chiều dài 01m65, rộng 0,1m; đầu vết cày cách mép đường chuẩn phía bắc là 01m3, điểm cuối vết cày cách mép đường chuẩn là 01m35.

- Xe mô tô biển số 81K1- 042.64 được đánh số (2): Xe mô tô nằm ngã nghiêng trên phần đường bên phải, đầu xe hướng vào lề đường bên phải, đuôi xe hướng về lề đường bên trái. Tâm trục bánh trước đến mép đường chuẩn là 0,2m; Tâm trục bánh sau trùng với điểm cuối vết cày số 1.

- Xe mô tô biển số 81C1- 113.89 được đánh số (3): Xe mô tô nằm ngã nghiêng trên phần đường bên phải, đầu xe hướng về lề bên phải, đuôi xe hướng về lề bên trái và nằm đè trên xe mô tô biển số 81K1- 042.64. Tâm trục trước xe mô tô đến mép đường chuẩn là 0,75m; tâm trục sau xe mô tô đến mép đường chuẩn là 01m8. Tâm trục sau xe mô tô biển số 81C1 - 113.89 đến tâm trục sau của xe mô tô biển số 81K1 - 042.64 là 0.65m. Tâm trục trước xe mô tô biển số 81C1 - 113.89 đến tâm trục trước của xe mô tô biển số 81K1 - 042.64 là 0.67m.

- 01 vũng màu nâu nghi là máu được đánh số (4) có diện (0,33x0,50)m nằm sát mép đường chuẩn và cách tâm trục trước của xe mô tô biển số 81C1 - 113.89 là 1.75m.

Từ tâm trục sau xe mô tô biển số 81C1- 113.89 đến trụ điện số 51 là 19m50 và đến trụ điện số 473/F19/51 là 24m50.

+ Dấu vết để lại trên xe mô tô sau tai nạn:

Đối với Xe mô tô biển số 81K1- 042.64:

- Dè chắn bùn bánh xe phía trước bị bể bung rời khỏi vị trí định vị.
- Thắng đĩa bánh trước bên trái bị cong vênh biến dạng, có diện 16cm x 09cm, chiều hướng trước ra sau, từ ngoài vào trong, từ trái qua phải.
- Phuộc nhún bên phải bị cong vênh biến dạng, chiều hướng từ trước ra sau, từ phải qua trái.
- Phuộc nhún trước bên trái bị cong vênh theo chiều từ sau ra trước, trái sang phải.
- Mặt nạ phía trước xe bị bể diện 30cm x 50cm; Toàn bộ cụm đèn trước, đèn xi nhan trái và phải bị bung rời khỏi vị trí định vị.
- Bửng chắn gió bị bể hoàn toàn.
- Gác để chân phía trước bên trái bị cào mòn kim loại diện 05cm x 03cm.
- Gác để chân phía sau bên trái bị gãy kim loại.

Đối với xe mô tô biển số 81C1- 113.89:

- Niềng bánh xe phía trước bị cong vênh biến dạng, chiều hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải.
- Phuộc nhún phía trước bên phải và bên trái bị đứt gãy kim loại, chiều hướng trước ra sau, trái qua phải.
- Dè chắn bùn phía trước bị bể bung rời khỏi vị trí định vị.
- Cụm đèn phía trước, ốp nhựa bảo vệ đèn bị bung rời khỏi vị trí định vị; bửng chắn gió bị bể bung rời khỏi vị trí định vị.

2. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 81K1- 042.64, hiệu Exciter, màu xanh trắng và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81K1- 042.64. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả cho anh J là chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với xe mô tô biển số 81C1- 113.89, hiệu Exciter, màu trắng xanh và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81C1- 113.89. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả cho chị Kh là chủ sở hữu theo quy định.

3. Về dân sự:

- Sau khi tai nạn xảy ra bị cáo đã tác động gia đình (cụ thể là ông J cha bị cáo) bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Ph số tiền 51.000.000 đồng; bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Ksor V số tiền 51.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền sửa chữa phần hư hỏng của xe mô tô biển số 81C1- 113.89. Đại diện hợp pháp của các bị hại đã có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu gì khác.

- Ông J không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên.

- AL bị sát nhẹ không yêu cầu giám định Th tích và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKS ngày 17/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh G đã truy tố bị cáo về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị: Về hình phạt: Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù; Về vật chứng và về dân sự: Không xem xét giải quyết; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 16/01/2018, Th điều khiển mô tô biển số 81K1- 042.64 lưu thông trên đường liên xã theo hướng xã IB đi xã A. Khi đi đến địa phận thuộc thôn O Ngó, xã IB, huyện Đ, tỉnh G, do Th điều khiển xe mô tô không đi đúng phần đường quy định nên đã tông vào xe mô tô biển số 81C1 - 113.89 do Ksor V điều khiển chở theo phía sau AL và Ph đi theo hướng ngược lại. Hậu quả làm chết 02 người.

Nguyên nhân xảy ra tai nạn trên là do bị cáo điều khiển xe mô tô đi không đúng phần đường bên phải theo chiều đi của mình, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ. Tại thời điểm gây ra tai nạn bị cáo dưới 18 tuổi, điều khiển xe mô tô có dung tích xilanh 149cm³ không có giấy phép lái xe theo quy định là vi phạm khoản 1 Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 60 Luật giao thông đường bộ.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm an toàn, tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và sự hoạt động bình thường của giao thông đường bộ, bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô có dung tích xilanh 149cm³ và gây tai giao thông làm 02 người chết nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a, đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi gây ra tai nạn bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ, khắc phục hậu quả cho gia đình nạn nhân; đại diện gia đình nạn nhân có đơn bãi nại cho bị cáo; bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như xem xét đầy đủ về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[2] Về dân sự: Giữa bị cáo với đại diện hợp pháp gia đình các bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại. Đại diện hợp pháp gia đình các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về vật chứng: Đã được xử lý đúng quy định của pháp luật trong giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điểm a, đ khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Th phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Th 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Th phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/6/2023). Đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H